

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ LĨNH
TỈNH CAO BẰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/HS-ST
Ngày 11/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ LĨNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Khánh Dân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Chung.

2. Ông Hoàng Văn Dự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đàm Đình Lập- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2018; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:05/2018/QĐXXST-HS ngày 11/6/2018;Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2018/HSST-QĐ ngày 27/6/2018 đối với:

Bị cáo: Nông Văn B, tên gọi khác: Không có. Sinh ngày: 02/10/1970 tại Trà Lĩnh, Cao Bằng. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Con ông Nông Văn Đ (đã chết) và bà Lý Thị M (đã chết); Có vợ là Nông Thị X (đã chết); Có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1996; Anh, chị, em ruột: Bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 06 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không có.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Công an huyện T từ ngày 30/6/2018.
Có mặt.

Người bị hại: Bà Nông Thị T, sinh năm 1979, trú tại: Xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00 phút, ngày 30/3/2018, Nông Văn B một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11B1-186.38 thuộc sở hữu của B đi từ nhà riêng xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng đến chợ Trung tâm huyện T thuộc tổ dân phố 1, thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng để mua thức ăn. Khi đến chợ, B để xe mô tô ở sân trước cửa Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh huyện T rồi đi bộ vào trong chợ đến chỗ có quán hàng bán bánh áp chảo, phở thì gặp bà Nông Thị T, sinh năm 1979, trú tại: xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Tại đây, giữa B và bà T đã có những lời lẽ cãi nhau. Khoảng một lúc sau khi đang đứng đối diện với bà T, cách nhau khoảng hơn 01 mét (bà T đứng hơi nghiêng về phía bên trái của B), B bước chân phải về phía bà T, đồng thời dùng tay phải giật nhanh lấy chiếc khuyên tai bằng kim loại màu vàng đeo ở tai bên phải của bà T theo chiều hướng từ trên xuống dưới và dứt ngay vào túi áo khoác phía dưới bên phải B đang mặc và quay người bước nhanh đến chỗ để xe mô tô cách đó khoảng 100 mét, nổ máy đi về nhà. Khoảng 07 giờ 00 phút cùng ngày, Nông Văn B bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T triệu tập đến làm việc. Tại đây, B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp lại chiếc khuyên tai trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Ngày 05/4/2018, tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Tập đoàn Vàng bạc đá quý Kim Tín, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng giá trị vật chứng của vụ án, kết quả: 01 chiếc vòng kim loại màu vàng đường kính 02 cm (dạng khuyên tai) hình tròn đã bị méo, ở phần đầu nổi để đeo có khắc in lõm chữ “KIM TÍN” có khối lượng 01 chỉ. Kết quả thử nghiệm xác định hàm lượng Vàng trang sức, mỹ nghệ bằng Phổ kế huỳnh quang tia X của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tập đoàn vàng bạc đá quý Kim Tín xác định chiếc vòng kim loại trên có hàm lượng Vàng là 99,99%.

Ngày 09/4/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra yêu cầu định giá tài sản đối với vật chứng của vụ án. Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-ĐGTS ngày 20/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: *“01 chiếc vòng trang sức, vàng 9999, có khối lượng 1.0 chỉ có giá trị là 3.698.000đ (Ba triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng)”*.

Trong quá trình điều tra, Nông Văn B đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSTL ngày 25/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nông Văn B về tội *“Cướp giạt tài sản”* theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn B thừa nhận cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng và khai nhận: Bị cáo và chị T là người cùng xóm, khoảng tháng

10/2017 chị T có đặt vấn đề với bị cáo để vay số tiền 05 (năm) triệu đồng, lúc đó trong người bị cáo không có tiền nhưng bị cáo có hứa hẹn rằng “*để anh về nhà chuẩn bị tiền, đợi đến phiên chợ anh đưa cho*”. Vài hôm sau, khi gặp chị T ở chợ huyện T bị cáo đưa tiền cho chị T, T nhận tiền nhưng không nói cho bị cáo biết mục đích vay, khi cho chị T vay cũng không làm giấy tờ vay mượn gì. Tuy nhiên, một thời gian sau khi vay được tiền của bị cáo thì chị T không trả tiền cho bị cáo, do vậy sáng ngày 30/3/2018 khi gặp nhau ở chợ huyện bị cáo yêu cầu chị T trả tiền đã vay nhưng chị T không đồng ý còn thách thức bị cáo nên bị cáo đã giật lấy chiếc khuyên tai của chị T, mục đích là buộc chị T trả cho bị cáo số tiền đang nợ, khi nào chị T trả hết tiền đã nợ thì bị cáo sẽ trả lại cái khuyên tai. Bị cáo thừa nhận hành vi giật lấy khuyên tai của chị T là vi phạm pháp luật nhưng do quá bức xúc vì chị T không trả tiền nợ nên bị cáo mới thực hiện hành vi trên.

Tại phiên tòa, người bị hại Nông Thị T trình bày: Tôi và anh Nông Văn B là người cùng xóm. Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 30/3/2018 tôi chở rượu từ nhà đến chợ huyện T bán, khi đến chợ thì có gặp anh B, anh B tiến lại chửi mắng, xúc phạm tôi. Sau đó, bất ngờ anh B giật lấy chiếc khuyên tai bên phải của tôi rồi bỏ đi. Tôi chưa từng vay mượn tiền của anh B như lời khai của anh B. Nay tôi đã được Công an huyện T trả lại chiếc khuyên tai nhưng nay tôi yêu cầu bị cáo B phải bồi thường cho tôi 5.000.000đ (Năm triệu đồng) vì bị cáo B đã vu cho tôi là đã vay B 5.000.000đ nhưng tôi không được vay nên tôi yêu cầu B phải bồi thường cho tôi số tiền 5.000.000đ, còn về hình phạt tôi đề nghị Hội đồng xét xử xử lý người phạm tội theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nông Văn B về tội “*Cướp giật tài sản*” và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nông Văn B phạm tội “*Cướp giật tài sản*” và xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù; về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận lại tài sản, tại phiên tòa người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 5.000.000đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật; về xử lý vật chứng vụ án: vật chứng của vụ án là 01 chiếc vòng kim loại màu vàng đã được Công an huyện T trả lại cho chủ sở hữu là chị Nông Thị T; Về án phí buộc bị cáo Nông Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn B không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên mà chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

[2]. Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội của bị cáo Nông Văn B: Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn B nhận tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện như sau: Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 30/3/2018, bị cáo một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11B1- 186.38 đi từ nhà đến chợ Trung tâm huyện T thuộc tổ dân phố 1, thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng để mua thức ăn. Khi đến chỗ có quán hàng bán áp chảo, phở thì gặp bà Nông Thị T, sinh năm 1979 là người cùng xóm. Tại đây, giữa B và bà T đã có những lời lẽ cãi nhau, một lúc sau khi đang đứng đối diện với bà T, cách nhau khoảng hơn 01 mét bị cáo dùng tay phải giật nhanh lấy chiếc khuyên tai bằng kim loại màu vàng đeo ở tai bên phải của bà T theo chiều hướng từ trên xuống dưới và đút ngay vào túi áo khoác phía dưới bên phải đang mặc và quay người bước nhanh đến chỗ để xe mô tô cách đó khoảng 100 mét, nổ máy đi về nhà.

Như vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố đối với bị cáo Nông Văn B về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Việc bị cáo B khai rằng do chị T đã mượn số tiền 5.000.000đ của bị cáo và mục đích bị cáo giật khuyên tai của bị hại là nhằm mục đích để bị hại trả lại số tiền trên cho bị cáo. Hội đồng xét xử cho rằng việc vay mượn giữa bị cáo và chị T là không có căn cứ; Người bị hại không thừa nhận và bị cáo cũng không có căn cứ nào khác để chứng minh việc vay mượn tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử cho rằng bị cáo B đã nại ra lý do đó để thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, bị cáo Nông Văn B đã phạm tội theo khoản 1 **Điều 171. Tội cướp giật tài sản** “*1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*” của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang trong nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi giật lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do vậy, khi lượng hình cần xử phạt nghiêm,

cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nông Văn B đã thành khẩn khai báo và thể hiện sự ăn năn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn B phạm tội “*Cướp giật tài sản*”, xử phạt bị cáo Nông Văn B mức án từ 15 đến 18 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo và nằm trong khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự nên cần chấp nhận.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản là 01 (một) chiếc vòng kim loại màu vàng đường kính 02 cm (dạng khuyên tai) hình tròn đã bị méo, ở phần đầu nổi để đeo có khắc in lõm chữ “KIM TÍN” có khối lượng 01 chỉ theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài sản ngày 27/4/2018. Tại phiên tòa chị Nông Thị T đã yêu cầu bị cáo B bồi thường 5.000.000đ với lý do bị cáo đã vu cho chị đã vay bị cáo 5.000.000đ, chị T không được vay nên yêu cầu bị cáo B bồi thường số tiền trên; Bị cáo B không chấp nhận theo yêu cầu của bị hại; Hội đồng xét xử thấy rằng không có căn cứ để buộc bị cáo B phải bồi thường số tiền 5.000.000đ theo yêu cầu của bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc chị Nông Thị T yêu cầu bị cáo Nông Văn B bồi thường số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

[7]. Về hướng xử lý vật chứng của vụ án: Vật chứng của vụ án gồm 01 (một) chiếc vòng kim loại màu vàng thu giữ ngày 30/3/2018. Xác nhận Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Nông Thị T, sinh năm 1979, trú tại: xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. 01 (một) chiếc vòng kim loại màu vàng đường kính 02 cm (dạng khuyên tai) hình tròn đã bị méo, ở phần đầu nổi để đeo có khắc in lõm chữ “KIM TÍN” có khối lượng 01 chỉ theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài sản ngày 27/4/2018.

[8]. Về án phí: Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nông Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố Bị cáo Nông Văn B phạm tội ***“Cướp giật tài sản”***.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Văn B 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 30/6/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận Công an huyện T đã trả lại cho chị Nông Thị T, sinh năm 1979, trú tại: xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng 01 (một) chiếc vòng kim loại màu vàng đường kính 02 cm (dạng khuyên tai) hình tròn đã bị méo, ở phần đầu nổi để đeo có khắc in lõm chữ “KIM TÍN” có khối lượng 01 chỉ theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài sản ngày 27/4/2018.

4. Về án phí: Bị cáo Nông Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh,
- VKSND tỉnh,
- VKSND huyện,
- Công an huyện,
- THA DS huyện,
- UBND xã Cao Chương,
- TL, CB
- Người bị hại,
- Lưu HS; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Khánh Dân